

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

**BÀI: Hoạt động thương mại giữa Việt Nam với thị trường Malaysia trong tháng 12/2024, đánh giá triển vọng và dự báo**

**THUỘC NHIỆM VỤ**  
**“Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển khai hiệp định CPTPP năm 2024”**

**Hà Nội, 2024**

## Tình hình thương mại của thị trường

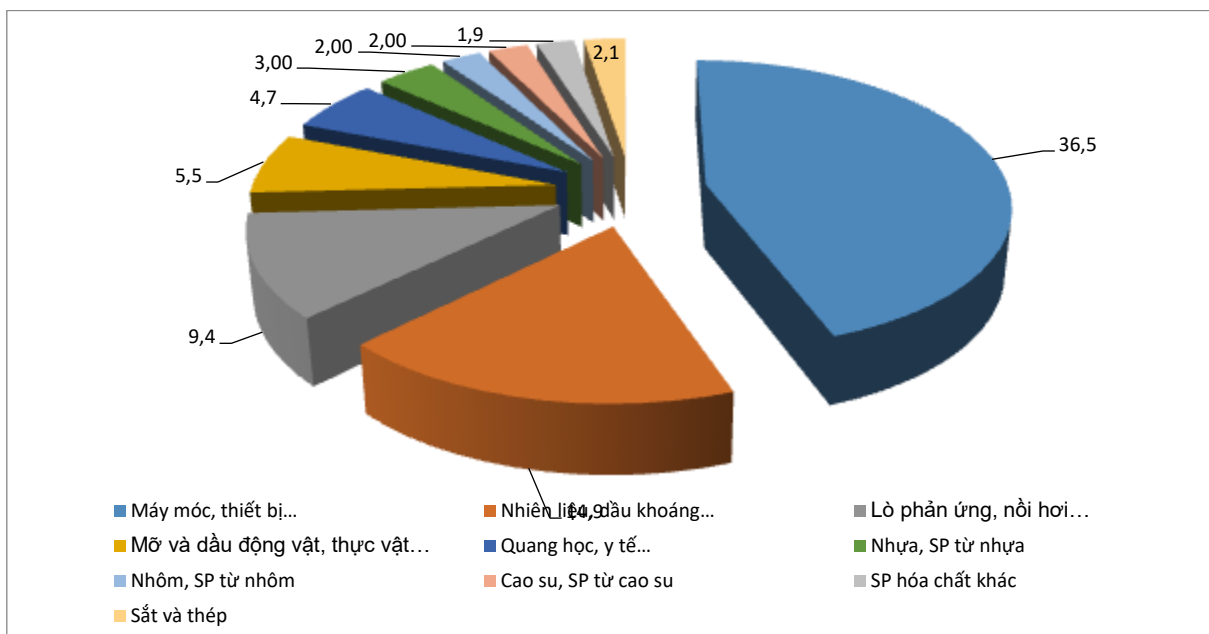
### - Về xuất khẩu

Theo số liệu thống kê của Trademap, trong năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Malaysia đạt 312,6 tỷ USD, giảm 11,28% so với năm 2022.

9 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Malaysia ra thế giới đạt 240,9 tỷ USD tăng 2,66% so với cùng kỳ năm 2023. Cũng trong 9 tháng đầu năm 2024 Malaysia xuất khẩu các mặt hàng chủ yếu như; Nhóm (Máy móc và thiết bị điện cùng các bộ phận của chúng; máy ghi âm và phát lại âm thanh, tivi ...) đạt 87,8 tỷ USD, giảm 3,47% so cùng kỳ 2023; nhóm (Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất của chúng; chất bitum; khoáng sản . . .) đạt 35,7 tỷ USD, giảm 6,93% so cùng kỳ 2023; ở chiều ngược lại nhóm (Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy móc và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng) đạt 22,6 tỷ USD tăng 28,3% so cùng kỳ 2023

**Biểu đồ 1: Top 10 mặt hàng xuất khẩu chủ lực 9 tháng đầu năm 2024 của Malaysia**

*Đơn vị tính (Tỷ trọng %)*



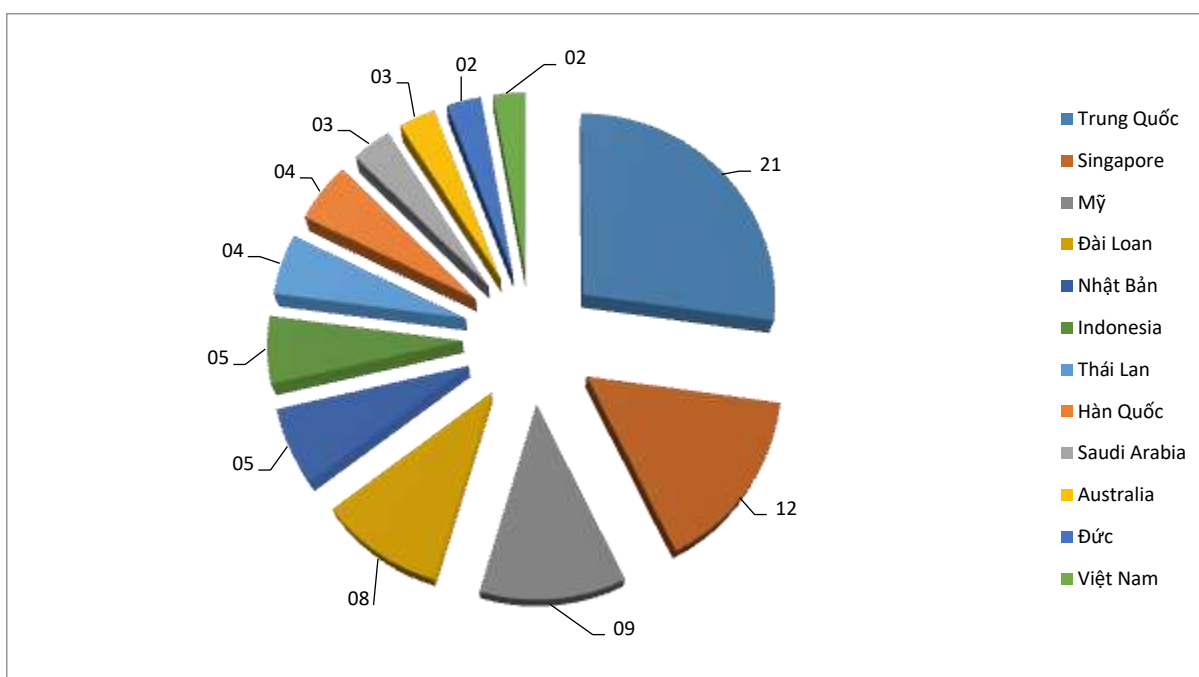
### - Về nhập khẩu

Năm 2023 Malaysia nhập khẩu hàng hoá từ các nước trên thế giới đạt 265,6 tỷ USD giảm 9,77% so với năm 2022. Cũng trong năm 2023 Malaysia nhập khẩu hàng hoá từ Việt Nam đạt 6,01 tỷ USD chiếm 2,26% tỷ trọng trong kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của Malaysia.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu hàng hóa của Malaysia từ các nước trên thế giới đạt 221,36 tỷ USD, tăng 13,22% so với cùng kỳ năm 2023.

**Biểu đồ 2: Top nguồn cung lớn nhất của Malaysia trong 9 tháng đầu năm 2024**

Đơn vị tính (Tỷ trọng %)



Theo số liệu từ Trademap trong 9 tháng đầu năm 2024, đứng đầu trong kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Malaysia từ thế giới một số mặt hàng chủ yếu như;

- Nhóm (Máy móc và thiết bị điện cùng các bộ phận của chúng; máy ghi âm và phát lại âm thanh, tivi ...) đạt 61,66 tỷ USD tăng 14,21% so cùng kỳ 2023, chiếm tỷ trọng 27,9%;

- Nhóm (Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chung cất của chúng; chất bitum; khoáng sản . . .) đạt 37,66 tỷ USD tăng 1,12%, chiếm tỷ trọng 17,0%;

- Nhóm (Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy móc và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng...) đạt 28,67 tỷ USD tăng 61,4% so cùng kỳ 2023, chiếm tỷ trọng 13,0% trong kim ngạch nhập khẩu hàng hoá.

Cũng trong 9 tháng đầu năm 2024 Malaysia nhập khẩu từ Việt Nam 4,75 tỷ USD tăng 2,84% so với cùng kỳ năm 2023; Trong đó nhóm (Máy móc và thiết bị điện cùng các bộ phận của chúng; máy ghi âm và phát lại âm thanh, tivi ...) đạt 1,32 tỷ USD giảm 12,7% so cùng kỳ 2023; nhóm (Sắt và thép...) đạt 484,6 triệu USD tăng 11,6% so cùng kỳ 2023; nhóm (Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy móc và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng...) đạt 367,94 triệu USD tăng 17,7% so cùng kỳ 2023.

**Bảng 1: Một số mặt hàng Malaysia nhập khẩu từ Việt Nam và thế giới trong 9 tháng đầu năm 2024**

*(ĐVT: Nghìn USD)*

<b>Mã HS</b>	<b>Mặt hàng</b>	<b>Malaysia nhập khẩu từ Việt Nam</b>	<b>Malaysia nhập khẩu từ thế giới</b>	<b>Thị phần hàng hóa Việt Nam tại Malaysia (%)</b>
--------------	-----------------	---------------------------------------	---------------------------------------	--

		<b>9 tháng 2024</b>	<b>So với tháng 9 năm 2023 (%)</b>	<b>9 tháng đầu năm 2024</b>	<b>So với 9 tháng đầu năm 2023 (%)</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>9 tháng 2024</b>
<b>Tổng cộng:</b>		<b>4.759.761</b>	<b>2,84</b>	<b>221.369.273</b>	<b>13,22</b>	<b>2,26</b>	<b>2,15</b>
'85	Máy móc và thiết bị điện cùng các bộ phận của chúng; máy ghi âm và phát lại âm thanh, tivi ...	1.320.814	-12,70	61.668.391	14,21	2,64	2,14
'72	Sắt và thép	484.631	11,60	4.427.499	-0,26	10,03	10,95
'84	Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy móc và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng	367.944	17,71	28.670.558	61,40	1,61	1,28
'10	Ngũ cốc	364.713	125,43	2.117.603	16,33	8,55	17,22
'38	Các sản phẩm hóa chất khác	191.559	-54,79	3.502.968	-19,30	9,55	5,47
'64	Giày dép, xà cạp và các loại tương tự; các bộ phận của các mặt hàng như vậy	143.602	16,39	554.950	10,50	24,63	25,88
'09	Cà phê, trà, maté và gia vị	130.890	109,11	637.063	16,16	10,98	20,55
'27	Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm	123.617	326,44	37.661.064	1,12	0,07	0,33

	chung cất của chúng; chất bitum; khoáng sản . . .						
'44	Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than củi	121.170	5,01	822.424	14,50	15,80	14,73
'61	Các mặt hàng may mặc và phụ kiện quần áo, đan hoặc móc	101.073	16,83	998.554	16,98	10,25	10,12
'39	Nhựa và các sản phẩm từ nhựa	97.575	46,99	6.867.934	8,61	1,09	1,42
'25	Muối; lưu huỳnh; đất và đá; vật liệu trát, vôi và xi măng	93.393	-11,31	439.237	3,05	24,83	21,26
'29	Hóa chất hữu cơ	89.755	134,24	3.611.943	13,28	0,88	2,48
'03	Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và các động vật không xương sống dưới nước khác	80.441	-8,55	780.946	-14,96	9,65	10,30
'23	Chất thải và chất thải từ ngành công nghiệp thực phẩm; thức ăn chăn nuôi đã chế biến	79.049	-9,51	1.092.058	-3,04	8,21	7,24
'90	Quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra, độ chính xác, y tế hoặc phẫu thuật . . .	71.612	17,03	5.240.447	7,39	1,17	1,37
'15	Mỡ và dầu động vật, thực vật hoặc vi khuẩn và các	57.006	-22,00	1.581.607	-22,90	3,76	3,60

	sản phẩm phân tách của chúng; mỡ ăn được đã chế biến; . . .						
'40	Cao su và các sản phẩm từ cao su	56.096	31,22	2.997.011	23,78	1,62	1,87
'48	Giấy và bìa cứng; các mặt hàng làm từ bột giấy, từ giấy hoặc từ bìa cứng	54.290	-5,69	1.366.258	6,65	4,28	3,97
'70	Thủy tinh và đồ thủy tinh	49.754	-54,03	536.283	-8,98	15,65	9,28
'87	Các loại xe khác ngoài toa xe lửa hoặc xe điện, và các bộ phận và phụ kiện của chúng	46.396	-13,90	6.028.341	0,31	0,80	0,77
'62	Các mặt hàng may mặc và phụ kiện quần áo, không đan hoặc móc	45.334	17,84	536.746	16,88	8,35	8,45
'28	Hóa chất vô cơ; hợp chất hữu cơ hoặc vô cơ của kim loại quý, kim loại đất hiếm, . . .	44.847	110,38	2.514.365	-0,41	0,82	1,78

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trademap*

## **Tình hình xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam với thị trường Malaysia trong tháng 11 và 11 tháng năm 2024.**

### **Về xuất khẩu**

Năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Malaysia đạt 4,86 tỷ USD, giảm 12,63% so với năm 2022, chiếm 1,37% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam. Trong đó đứng đầu là những nhóm hàng

như: máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (654,8 triệu USD); sản phẩm hóa chất (607,2 triệu USD); sắt thép các loại (578,19 triệu USD); điện thoại các loại và linh kiện (400,78 triệu USD); máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác (379,42 triệu USD)...

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Malaysia trong tháng 11/2024 đạt 405.19 triệu USD, giảm 0,85% so với tháng 10/2024, và tăng 1,19% so với tháng 11 năm 2023.

Tính chung 11 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Malaysia đạt 4,63 tỷ USD, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm 2023.

Giá trị các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2024 lần lượt là các nhóm hàng như;

- Nhóm (Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện...) đạt 608.6 triệu USD tăng 3,93% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm tỷ trọng 13,1% giá trị xuất khẩu trong 11 tháng đầu năm 2024;

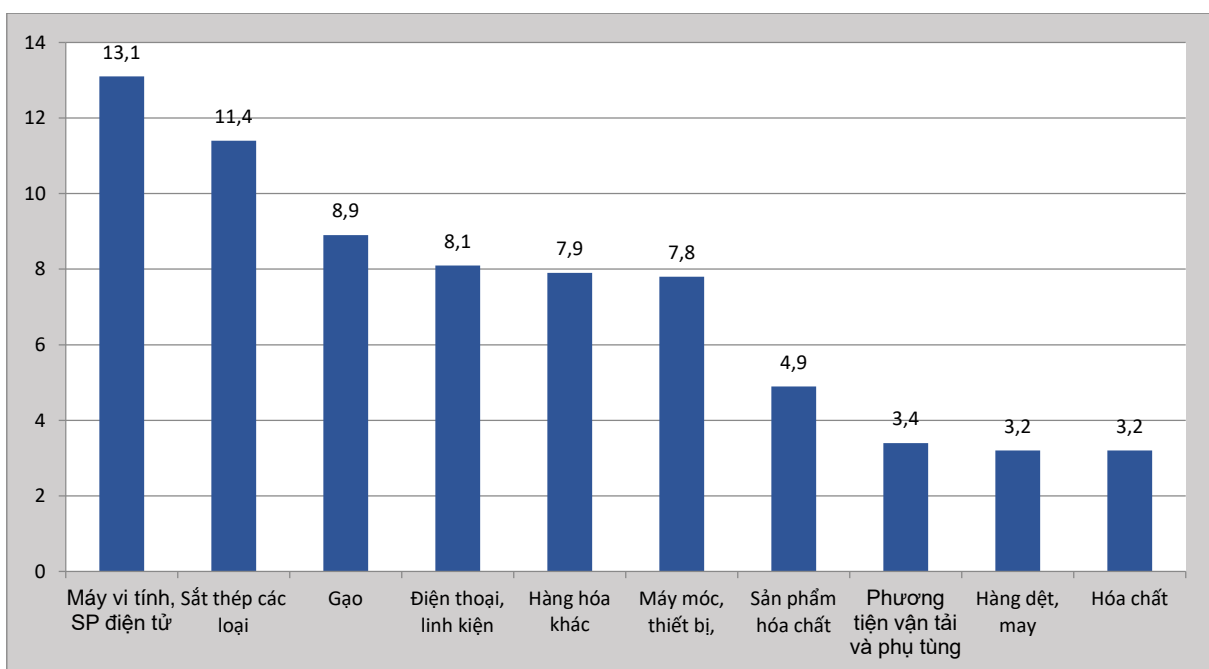
- Nhóm (Sắt thép các loại) đạt 528,5 triệu USD tăng 0,18% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm tỷ trọng 11,4% giá trị xuất khẩu trong 11 tháng đầu năm 2024;

- Nhóm (Gạo) đạt 414,4 triệu USD tăng 105,8% so với so với cùng kỳ năm 2023, và chiếm tỷ trọng 8,9% kim ngạch xuất khẩu;

**Biểu đồ 3: Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu sang Malaysia có tỷ trọng cao trong 11 tháng đầu năm 2024**

*Đơn vị tính (Tỷ trọng %)*





*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

Trong 11 tháng đầu năm 2024 một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm 2023 lần lượt là:

- Nhóm (Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện...) đạt 608.6 triệu USD tăng 3,93% so với cùng kỳ năm 2023,
- Nhóm (Sắt thép các loại) đạt 528,5 triệu USD tăng 0,18% so với cùng kỳ năm 2023
- Nhóm (Gạo) đạt 414,4 triệu USD tăng 105,8% so với cùng kỳ năm 2023,

Nhìn chung, trong 11 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Malaysia tăng 4,1% do kinh tế của Malaysia tăng trưởng đáng kể, ngoài ra cũng phải kể đến các doanh nghiệp Việt Nam cũng tích cực tận dụng tối đa ưu đãi thuế quan theo các Hiệp định thương mại tự do (FTA) cũng như các Hiệp định trong khu vực.

**Bảng 2: Xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam sang Malaysia trong tháng 11 và 11 tháng đầu năm 2024**

(ĐVT: Triệu USD)

Nhóm mặt hàng	Tháng 11/2024 (USD)	So với tháng 10/2024 (%)	So với tháng 11/2023 (%)	11 tháng đầu năm 2024	So cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)
<b>Tổng giá trị:</b>	<b>405,19</b>	<b>-0,85</b>	<b>1,19</b>	<b>4.636,57</b>	<b>4,1</b>	<b>100,0</b>
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	82,19	44,33	43,47	608,66	3,93	13,1
Sắt thép các loại	42,88	-24,52	-24,6	528,52	0,18	11,4
Gạo	14,58	-47,29	-15,24	414,46	105,89	8,9
Điện thoại các loại và linh kiện	27,19	10,52	-2,36	376,41	0,47	8,1
Hàng hóa khác	34,99	22,06	11	364,92	10,57	7,9
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	31,89	18,46	1,8	363,59	5,01	7,8
Sản phẩm hóa chất	6,46	-9,93	-85,45	229,48	-58,74	4,9
Phương tiện vận tải và phụ tùng	12,49	-15,48	16,68	158,87	-12,94	3,4
Hàng dệt, may	16,93	9,4	2,9	150,28	7,75	3,2
Hóa chất	10,86	-50,88	562,92	146,51	164,01	3,2
Gỗ và sản phẩm gỗ	15,18	12,08	22,78	141,13	5,79	3,0
Cà phê	12,51	19,9	57,56	140,27	112,38	3,0
Giày dép các loại	14,15	36,66	21,55	109,75	17,22	2,4
Hàng thủy sản	10,08	-6,88	8,79	102,81	-7,87	2,2
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	8,16	-14,85	-13,82	92,60	-14,77	2,0
Giấy và các sản phẩm từ giấy	5,38	-12,38	13,81	62,95	-2,99	1,4
Kim loại thường khác và	6,47	1,64	76,55	60,86	25,67	1,3

sản phẩm						
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	4,84	-15,66	-20,7	57,24	-39,72	1,2
Sản phẩm từ chất dẻo	4,56	-18,45	1,61	55,24	44,67	1,2
Hàng rau quả	4,85	7,33	50,1	51,37	11,82	1,1
Clanhke và xi măng	5,16	-32,39	-12,1	50,67	-19,94	1,1
Chất dẻo nguyên liệu	3,25	-27,45	-7,74	50,45	27,58	1,1
Cao su	7,84	-31,73	559,85	43,01	427,2	0,9
Sản phẩm từ sắt thép	4,22	43,39	81,57	40,69	20,66	0,9
Phân bón các loại	1,65	14,27	-14,82	38,16	29,26	0,8
Xăng dầu các loại	1,27	-40,73	-24,84	31,46	36,02	0,7
Xơ, sợi dệt các loại	1,61	-7,18	-46,26	26,68	-21,94	0,6
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	2,87	29,99	30,48	23,62	32,18	0,5
Dây điện và dây cáp điện	1,79	-10,38	-9,33	18,12	-12,22	0,4
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	1,73	10,45	-4,53	17,39	-8,34	0,4
Sản phẩm gốm, sứ	1,32	5,29	6,6	14,48	4,95	0,3
Sản phẩm từ cao su	1,21	-34,18	-11	13,26	7,97	0,3
Hạt tiêu	1,11	36,6	63,2	9,90	50,3	0,2
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	1,07	10,3	97,99	9,77	48,07	0,2
Dầu thô	0,00			7,92		0,2
Sắn và các sản phẩm từ sắn	0,64	15,03	-7,92	7,66	31,71	0,2
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	0,61	-8,5	1,84	6,82	30,82	0,1
Quặng và khoáng sản khác	0,83	126	-35,72	6,67	0,43	0,1
Chè	0,37	23,17	-6,13	3,91	28,08	0,1

Than các loại	0,00			0,03		0,0
---------------	------	--	--	------	--	-----

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

## **Về nhập khẩu**

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục hải quan Việt Nam, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường Malaysia trong tháng 11/2024 đạt 748,10 triệu USD, giảm 0,98% so với tháng 10 năm 2024; và tăng 9,4% so với tháng 11 năm 2023.

Tính chung trong 11 tháng đầu năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Malaysia đạt 8,33 tỷ USD, tăng 16,93% so với cùng kỳ năm 2023.

Nhóm các mặt hàng nhập khẩu của Việt Nam từ Malaysia, có giá trị cao trong 11 tháng đầu năm 2024 lần lượt là mặt hàng là:

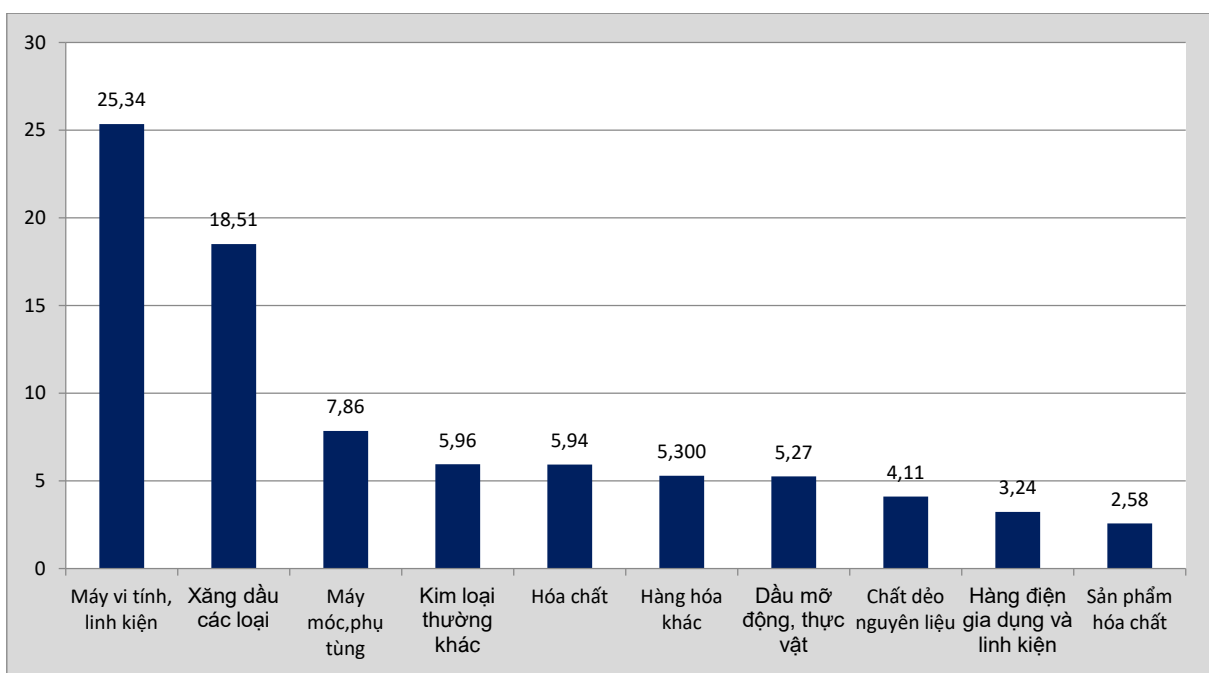
- Nhóm (Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện...) đạt 2,11 tỷ USD tăng 27,55% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm tỷ trọng 25,34% giá trị nhập khẩu;

- Nhóm (Xăng dầu các loại) đạt 1,54 tỷ USD tăng 3,22% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm tỷ trọng 18,51% giá trị nhập khẩu;

- Nhóm (Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác...) đạt 655,47 triệu USD tăng 16,62% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm tỷ trọng 7,68% giá trị nhập khẩu trong 11 tháng đầu năm 2024;

### **Biểu đồ 4: Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu từ Malaysia có tỷ trọng cao trong 11 tháng đầu năm 2024**

*( Tính theo tỷ trọng%)*



*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

Một số mặt hàng nhập khẩu có tỷ lệ tăng mạnh trong 11 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 lần lượt là:

- Nhóm (Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện...) tăng 27,55%; Nhóm (Xăng dầu các loại) tăng 3,22%; Nhóm (Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác...) tăng 16,62% so với cùng kỳ năm 2023.

Nhìn chung, trong 11 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu hàng của Việt Nam từ thị trường Malaysia tăng 16,93%, nguyên nhân do nền kinh tế của Việt Nam đang trên đà tăng trưởng, với tỷ lệ nhập khẩu hàng hoá nói trên cũng rõ nguyên nhân phải kể đến các doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu hàng hoá phục vụ sản xuất để đáp ứng các đơn hàng xuất khẩu những tháng cuối năm, cũng như đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước.

**Bảng 3: Nhập khẩu hàng hóa từ Malaysia trong tháng 11 và 11 tháng đầu năm 2024**

*(ĐVT: Triệu USD)*

Nhóm mặt hàng	Tháng 11/2024	So với tháng 10/2024 (%)	So với tháng 11/2023 (%)	11 tháng đầu năm 2024	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)
<b>Tổng giá trị</b>	<b>748,10</b>	<b>0,98</b>	<b>9,4</b>	<b>8.334,28</b>	<b>16,93</b>	<b>100</b>
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	233,22	-1,69	42,24	2.111,62	27,55	25,34
Xăng dầu các loại	71,16	81,02	-58,21	1.542,86	3,22	18,51
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	66,02	-9,26	50,62	655,47	16,62	7,86
Kim loại thường khác	36,75	-14,01	-0,21	497,10	33,05	5,96
Hóa chất	46,32	-12,03	14,39	495,43	24,02	5,94
Hàng hóa khác	66,10	10,7	183,35	441,74	24,25	5,30
Dầu mỡ động, thực vật	46,26	36,55	10,7	438,86	5,51	5,27
Chất dẻo nguyên liệu	34,32	-13,38	22,22	342,36	17,62	4,11
Hàng điện gia dụng và linh kiện	9,80	-10,69	9,5	269,66	7,83	3,24
Sản phẩm hóa chất	24,00	8,87	25,69	214,78	15,98	2,58
Khí đốt hóa lỏng	9,52	-28,54	-43,32	208,14	104,88	2,50
Giấy các loại	15,01	2,23	75,62	128,11	68,42	1,54
Vải các loại	8,63	-44,73	18,57	109,82	28,23	1,32
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	9,79	76,9	-16,75	105,64	28,03	1,27
Dây điện và dây cáp điện	8,66	-15,73	90,27	80,40	9,67	0,96
Sản phẩm từ chất dẻo	6,72	-6,08	12,83	79,44	12,15	0,95
Chế phẩm thực phẩm khác	7,47	3,7	44,1	69,55	10,17	0,83
Sữa và sản phẩm sữa	4,29	-19,68	-0,69	55,82	4,87	0,67

Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	6,21	3,42	12,58	46,10	8,87	0,55
Sản phẩm từ sắt thép	4,58	29,49	1,61	43,57	10,49	0,52
Sản phẩm từ cao su	3,84	4,62	31,32	39,37	17,09	0,47
Cao su	2,52	-14,33	176,88	30,64	140,54	0,37
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	2,37	-11,19	-45,28	29,35	-71,59	0,35
Sản phẩm từ kim loại thường khác	2,48	-7,25	16,4	28,18	3,13	0,34
Xơ, sợi dệt các loại	2,45	15,02	-4,32	28,13	8,77	0,34
Phân bón các loại	0,47	-90,69	42,34	27,08	106,77	0,32
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	2,07	-36,45	-55,33	25,96	-6,35	0,31
Sắt thép các loại	1,87	5,82	-16,27	24,53	4,37	0,29
Gỗ và sản phẩm gỗ	2,29	-28,74	20,9	24,28	7,83	0,29
Linh kiện, phụ tùng ô tô	2,37	-24,19	67,54	23,57	35,11	0,28
Hàng thủy sản	1,68	88,19	-10,05	18,22	-29,09	0,22
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	1,82	-3,23	-21,75	17,67	-19,67	0,21
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	1,78	75,64	81,65	17,63	-5,29	0,21
Quặng và khoáng sản khác	0,38	-85,67	-61,62	15,73	57,02	0,19
Sản phẩm từ giấy	0,90	50,6	14,8	10,02	6	0,12

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

### **Về cán cân thương mại**

Tính riêng tháng 11/2024, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Malaysia và Việt Nam đạt 1,15 tỷ USD, giảm 6,37% so với tháng 11/2023, trong tháng 11/2024, Việt Nam nhập siêu từ Malaysia 342.9 triệu USD.

Tính chung trong 11 tháng đầu năm 2024, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Malaysia đạt 12,97 tỷ USD, tăng 11,9% so với cùng kỳ năm 2023. Cũng trong 11 tháng Việt Nam nhập siêu từ Malaysia là 3,69 tỷ USD.

**Bảng 4: Cán cân thương mại giữa Việt Nam và Malaysia tháng 11 và 11 tháng đầu năm 2024**

(Đơn vị tính: Triệu USD)

Hoạt động thương mại	Tháng 11/2024	So tháng 11/2023 (%)	11 tháng 2024	So 11 tháng 2023 (%)
Việt Nam xuất khẩu sang Malaysia	405,19	1,19	4.636,57	4,10
Việt Nam nhập khẩu từ Malaysia	748,10	9,40	8.334,28	16,93
Thương mại hai chiều	1.153,29	6,37	12.970,85	11,99
Cán cân thương mại	-342,90	20,99	-3.697,70	38,28

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

Như vậy thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Malaysia trong 11 tháng năm 2024 đạt 12,97 tỷ USD tăng tới 11,9% so cùng kỳ năm 2023 và Việt Nam nhập siêu từ Malaysia 3,69 tỷ USD, tăng 38,2% so cùng kỳ 2023.